

TẬP ĐOÀN CN THAN - KS VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THAN VÀNG DANH - VINACOMIN

Số: 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ

Uông Bí, ngày 25 tháng 3 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN VÀNG DANH - VINACOMIN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa 14, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa 14 thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026, ngày 25/3/2026 của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh- Vinacomin;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc quyết định đầu tư đối với dự án khai thác hầm lò xuống sâu dưới mức -175, mỏ than Vàng Danh với một số nội dung chính như sau:

- + Tên dự án: Khai thác hầm lò xuống sâu dưới mức -175, mỏ than Vàng Danh
- + Nhóm dự án, loại cấp công trình dự án: Nhóm A, Công trình công nghiệp, cấp I.
- + Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Than Vàng Danh- Vinacomin.
- + Địa điểm đầu tư: Phường Vàng Danh-Quảng Ninh.
- + Công suất thiết kế: 2,0 triệu tấn than nguyên khai/năm.
- + Tuổi thọ dự án: 38 năm (bao gồm: thời gian xây dựng cơ bản 08 năm, khai thác đạt công suất thiết kế và tắt dần 30 năm).
- + Tổng mức đầu tư (dự kiến): 7.376.652.151.000 đồng.
- + Nguồn vốn đầu tư: Vốn vay thương mại (tối đa 70% TMĐT) và vốn chủ sở hữu (tối thiểu 30% TMĐT).
- + Các nội dung khác: Theo báo cáo tóm tắt nội dung dự án trình Đại hội đồng cổ đông kèm theo


Điều 2. Hiệu lực và tổ chức thực hiện Nghị quyết

1. Hiệu lực

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ thời điểm Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 tán thành biểu quyết thông qua.

2. Tổ chức thực hiện

2.1 ĐHĐCĐ uỷ quyền cho HĐQT Công ty Cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin tổ chức phê duyệt dự án khai thác hầm lò xuống sâu dưới mức -175, mỏ than Vàng Danh sau khi có đầy đủ cơ sở pháp lý theo quy định của pháp luật.

2.2. Các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc và cán bộ quản lý khác căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình để tổ chức thực hiện đảm bảo theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. 

Nơi nhận:

- UBCKNN; HNX (CBTT);
- Các cổ đông (website của Công ty);
- HĐQT; BKS; Ban Giám đốc;
- Lưu: VP; TKCT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Nguyễn Văn Dũng**

TÓM TẮT NỘI DUNG DỰ ÁN ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BIỂU QUYẾT THÔNG QUA

(Kèm theo Nghị quyết : 01/2026/NQ-DHDCĐ ngày 25 tháng 3 năm 2026)

1. Tên dự án: Khai thác hầm lò xuống sâu dưới mức -175 mỏ than Vàng Danh.
2. Nhóm dự án, loại, cấp công trình
Dự án nhóm A; công trình công nghiệp khai thác mỏ hầm lò, cấp I; công suất 2,0 triệu tấn than nguyên khai/năm.
3. Người quyết định đầu tư: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin.
4. Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin.
5. Nội dung và quy mô đầu tư
 - 5.1. Ranh giới và trữ lượng khai trường
 - Ranh giới khai trường:
 - + Trên mặt: Giới hạn bởi 19 điểm mốc tọa độ (từ 5.1 ÷ VD3), diện tích 12,37 km².
 - + Theo chiều sâu: Từ mức -175 m đến mức -350 m (đào lò trong đá đến mức -385 m).
 - Trữ lượng khai trường:
 - + Trữ lượng địa chất huy động (06 vỉa huy động vào khai thác): 64.218 nghìn tấn.
 - + Trữ lượng công nghiệp: 41.596 nghìn tấn.
 - + Quy đổi theo than nguyên khai: 55.162 nghìn tấn.
 - 5.2. Công suất thiết kế và tuổi thọ dự án
 - Công suất thiết kế: 2.000.000 tấn than nguyên khai/năm.
 - Tuổi thọ dự án: 38 năm (bao gồm: thời gian xây dựng cơ bản 08 năm, khai thác đạt công suất thiết kế và tắt dần 30 năm).
 - 5.3. Mỏ vỉa và chuẩn bị khai trường
 - a. Mặt bằng sân công nghiệp: Chọn mặt bằng mức +105 (nằm đối diện với Nhà máy tuyển than Vàng Danh 2, bên cạnh ga đường sắt nhận than của nhà máy tuyển) làm mặt bằng sân công nghiệp chính của Dự án, diện tích khoảng 13,17 ha.
 - b. Mỏ vỉa khai trường: Bằng cặp giếng nghiêng từ mặt bằng +105 xuống mức -350 (đối với giếng phụ), mức -385 (với giếng chính), kết hợp với Ngầm thông gió mức +139 ÷ -175 và xuyên vỉa tầng mức -175, -350.
 - Giếng nghiêng chính được mở từ mặt bằng mức +105 xuống mức -385 với $L=1.802\text{ m}$, $\alpha=16^0$. Giếng chính được trang bị băng tải $B=1.200\text{ mm}$ để vận tải than và hệ thống tời vô cực, chạy nền để vận chuyển người.
 - Giếng nghiêng phụ được mở từ mặt bằng mức +105 xuống mức -350 với $L=1.666\text{ m}$, $\alpha=16^040'$. Giếng phụ được trang bị hệ thống tời trục một tang, đường kính 4,0 m để vận chuyển vật liệu, đất đá và hệ thống tời vô cực, chạy nền để vận chuyển người.

- Ngầm thông gió +139 ÷ -175 được mở từ mặt bằng mức +139 xuống mức -175, dài 1.064 m, trong đó: đoạn lò có góc dốc 24^0 , dài 430 m; đoạn lò có góc dốc $13^030'$, dài 599 m. Ngầm thông gió +139 ÷ -175 lắp đặt trạm quạt gió chính để phục vụ thông gió.

- Thượng trục tải +139 ÷ -175 (sử dụng lại): Thượng có nhiệm vụ vận tải vật tư, vật liệu, đất đá từ mặt bằng +139 xuống mức -175 và ngược lại bằng máy trục một đầu cáp đường kính 2,5 m.

- Tại mức vận tải -350 tiến hành mở hệ thống sân ga, hầm trạm với tổng chiều dài 2.992 m. Từ sân ga mức -350, tiến hành đào hệ thống đường lò dọc vỉa đá, xuyên vỉa đá tới các khu khai thác để tiếp cận các vỉa than.

- Mức thông gió -175, cơ bản sử dụng lại hệ thống đường lò dọc vỉa, xuyên vỉa đá của tầng +0 ÷ -175. Đào bổ sung một số đường lò dọc vỉa, xuyên vỉa mức -175 để kết nối với giếng nghiêng phụ đào mới và phù hợp với phương án mở vỉa.

c. Chuẩn bị khai trường:

- Chuẩn bị theo tầng khai thác, mỗi tầng được chia thành các phân tầng. Các lò chợ được chuẩn bị theo sơ đồ khâu giật, phù hợp với phương án chuẩn bị của hệ thống khai thác.

- Giai đoạn xây dựng cơ bản, xây dựng 09 lò chợ với thông số kỹ thuật chủ yếu của các lò chợ như sau:

TT	Tên lò chợ	Chiều dài, m		Chiều dày TB (than sạch), m	Góc dốc TB, độ	HTKT áp dụng	CSTK, tấn/năm
		Theo phương	Theo góc dốc				
I	KHU I						
1	LC I-7-1	360	90	6,44	70	Giàn mềm ZRY	110.000
2	LC I-7-2	535	120	5,82	20	Giá khung	200.000
3	LC I-8-1	510	90	5,79	70	Giàn mềm ZRY	110.000
4	LC I-8-2	382	92	7,31	25	Giá khung	200.000
5	LC I-8-3	377	120	7,31	7	CGH	500.000
II	KHU II						
6	LC II-7-1	440	120	5,83	25	Giá khung	180.000
7	LC II-7-3	520	95	5,83	63	Giàn mềm ZRY	110.000
8	LC II-8-1	570	105	3,82	25	Giá khung	190.000
9	LC II-8-3	450	95	3,82	20	Giá khung	190.000

5.4. Giếng mỏ, sân ga và hầm trạm

- Giếng nghiêng chính: Được mở từ mặt bằng mức +105 xuống mức -385 với $L = 1.802$ m, $\alpha = 16^0$; tiết diện đào/chống: đoạn chống BTCT lưu vi 25,4/19,5 m², đoạn chống thép 24,1/20,9 m², đoạn chống neo + bê tông phun 23,3/22,5 m².

- Giếng nghiêng phụ: Được mở từ mặt bằng mức +105 xuống mức -350 với $L = 1.666$ m, $\alpha = 16^040'$; tiết diện đào/chống: đoạn BTCT lưu vi 28,1/21,2 m², đoạn chống thép 26,3/22,9 m², đoạn chống neo + bê tông phun 25,4/24,7 m².

- Ngầm thông gió +139 ÷ -175 được mở từ mặt bằng mức +139 xuống mức -175 với

$L=1.064$ m (trong đó: đoạn lò có góc dốc 24^0 , dài 430 m; đoạn lò có góc dốc $13^030'$, dài 599 m); chống lò bằng bê tông lưu vi và BTCT, tiết diện đào/chống: 23,6/17,0 m^2 .

- Tại chân giếng mức -350 tiến hành mở hệ thống sân ga, hầm trạm với tổng chiều dài 2.992 m, từ đây tiến hành đào hệ thống đường lò dọc vỉa đá, xuyên vỉa đá tới các khu khai thác để tiếp cận các vỉa than.

5.5. Vận tải qua giếng và trong lò

a. Vận tải qua giếng

- Giếng nghiêng chính $+105 \div -385$:

+ Vận tải than bằng băng tải $B=1.200$ mm, gồm 02 băng: băng tải số 01 dài 912,5 m, băng tải số 02 dài 885 m, năng suất các băng 666 tấn/giờ.

+ Vận tải người lên xuống bằng tời vô cực chạy nền, chiều dài vận chuyển 1.700 m; chở tối đa 192 người/chuyến.

- Giếng nghiêng phụ $+105 \div -350$:

+ Vận chuyển đất đá, thiết bị vật liệu bằng tời trục một đầu cáp, đường kính tang $D=4,0$ m, bề rộng tang $B=2,7$ m, kết hợp với gòong chở đất đá, chở thiết bị.

+ Vận tải người lên xuống bằng tời vô cực chạy nền, chiều dài vận chuyển 1.650 m; chở tối đa 192 người/chuyến.

- Thượng trục tải $+139 \div -175$: Sử dụng tời trục một đầu cáp, đường kính tang $D=2.5$ m, bề rộng tang $B=2,0$ m, kết hợp với xe gòong để chở đất đá, vật liệu từ mặt bằng $+139$ xuống mức -175 và ngược lại.

b. Vận tải trong lò: Vận tải người bằng tời vô cực và tàu điện; vận tải thiết bị, vật liệu bằng tời trục, tàu điện kết hợp monoray; vận tải đất đá bằng tời trục và tàu điện; vận tải than bằng băng tải, máng cào, máng trượt.

5.6 . Hệ thống khai thác, công tác đào lò

a. Hệ thống khai thác (HTKT)

a.1. Giai đoạn xây dựng cơ bản (XD CB)

Giai đoạn XD CB, thiết kế lựa chọn các HTKT như sau:

- HTKT cột dài theo phương, lò chợ CGH đồng bộ có thu hồi than nóc, khẩu than bằng máy khẩu hai tang, chống giữ lò chợ bằng giàn tự hành. Áp dụng cho các vỉa than có chiều dày $\geq 3,5$ m, góc dốc $\leq 35^0$, đất đá vách bất kỳ, đất đá trụ có độ bền vững trung bình trở lên, điều khiển đá vách bằng phá hoá toàn phần.

- HTKT cột dài theo phương chống giá khung di động (loại có liên kết mềm hoặc giá xích), áp dụng cho các vỉa có chiều dày $\geq 1,6$ m, góc dốc $\leq 45^0$, đất đá vách kém ổn định đến ổn định trung bình, mức độ biến đổi chiều dày, góc dốc tương đối ổn định đến ổn định; khẩu than bằng khoan nổ mìn, điều khiển đá vách bằng phá hoá toàn phần.

- HTKT cột dài theo phương, lò chợ xiên chéo, chống bằng giàn mềm, áp dụng cho vỉa có chiều dày từ $1,6 \div 10$ m, góc dốc trên 40^0 ; khẩu than bằng khoan nổ mìn, điều khiển đá vách bằng phá hoá toàn phần.

a.2. Giai đoạn duy trì công suất thiết kế

Ngoài các HTKT áp dụng trong giai đoạn XD CB nêu trên, trong giai đoạn duy trì công suất thiết kế, nghiên cứu áp dụng một số HTKT khác khi đủ điều kiện, như:

- HTKT cột dài theo phương, lò chợ CGH đồng bộ hạng nhẹ có thu hồi than nóc, khẩu than bằng máy khâu.
- HTKT lò dọc vỉa phân tầng, khẩu than bằng khoan nổ mìn, chống giữ bằng giá khung di động.
- HTKT chia lớp ngang nghiêng, khẩu than bằng khoan nổ mìn, chống giữ lò chợ bằng giá khung di động.
- HTKT cột dài theo phương, chống giữ lò chợ bằng giá khung di động/giá xích, khẩu than bằng máy khâu.
- HTKT cột dài theo phương, lò chợ xiên chéo, chống bằng giàn mềm, khẩu than bằng máy khâu.

Ngoài ra, trong quá trình duy trì công suất thiết kế, trường hợp có các HTKT tiên tiến, hiệu quả hơn, sẽ nghiên cứu áp dụng để nâng cao hiệu quả Dự án.

b. Công nghệ đào lò: Đào lò cơ giới hóa bằng máy COMBAI đào lò, đào lò thủ công bằng khoan nổ mìn.

5.7. Thông gió mỏ

- Cấp khí mỏ: Mỏ xếp loại I về khí CH_4 .
- Sử dụng sơ đồ thông gió trung tâm, phương pháp thông gió hút. Gió sạch đi vào mỏ qua cấp giếng nghiêng chính và phụ, sau đó theo hệ thống đường lò dọc vỉa, xuyên vỉa mức -350 tới thông gió cho các lò chợ. Gió thải thoát ra từ lò chợ, theo hệ thống đường lò dọc vỉa, xuyên vỉa thông gió mức -175 và được hút ra ngoài qua trạm quạt gió chính đặt tại Rãnh gió +139 (xây dựng mới).
- Thông số trạm quạt gió chính: Trạm quạt gió tại Rãnh gió +139 gồm 02 quạt FBDCZ-8-N₀32 (01 làm việc và 01 dự phòng).
- Thông gió cho các gương đào lò bằng các quạt gió cục bộ, phương pháp thông gió đẩy.

5.8. Tháo khô, thoát nước khai trường

- Giải pháp thoát nước trong lò: Duy trì các hầm bơm của dự án tầng trên như: hầm bơm mức +0, mức -10 và mức -175; xây dựng mới hầm bơm mức -350 để thoát nước cho tầng -175 ÷ -350 của dự án. Theo đó, nước từ các lò chứa nước mức -350 sẽ được bơm cưỡng bức qua hệ thống đường ống được lắp đặt tại giếng nghiêng phụ lên mặt bằng +105 và được đưa về hồ xử lý nước thải tập trung của Công ty Môi trường - TKV hiện có.

- Trang thiết bị cho hầm bơm:

+ Máy bơm: Hầm bơm mức -350 gồm 03 tổ hợp (mỗi tổ hợp gồm 03 bơm), có thông số kỹ thuật như sau: $Q = 550/720/850 \text{ m}^3/\text{h}$; $H = 660/600/540 \text{ m}$.

+ Đường ống dẫn: Số lượng tuyến ống đẩy thoát nước cho hầm bơm mức -350 là 03 tuyến, đường kính ống 500 mm, áp suất từ 16 ÷ 64 at (02 làm việc, 01 dự phòng); vật liệu là

thép đúc, ống phức hợp chịu mài mòn Polyethylene hoặc vật liệu khác có tiêu chuẩn tương đương.

5.9. Cung cấp điện, nước, khí nén

a. Cung cấp điện:

- Nguồn điện lưới:

+ Khi TBA 220 kV Khe Thần chưa xây dựng (TBA Khe Thần đã có trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2025), nguồn điện lưới phục vụ Dự án sẽ được lấy từ TBA 110 kV Ưông Bí thông qua 03 lộ tuyến, trong đó: 02 lộ tuyến 372, 373 hiện có (sẽ được Điện lực tỉnh Quảng Ninh nâng cấp tiết diện tuyến đường dây lên AC-150) và 01 lộ tuyến mới sẽ được Điện lực tỉnh Quảng Ninh xây dựng.

+ Khi TBA 220 kV Khe Thần được đầu tư xây dựng, điện lưới sẽ được bổ sung thêm nguồn từ TBA Khe Thần bằng 02 lộ tuyến được đầu tư, xây dựng mới.

- Nguồn điện dự phòng: Xây dựng mới Trạm phát điện Diesel tại MBSCN mức +105 với 05 tổ hợp máy phát, công suất mỗi máy 2.500 kW. Ngoài ra, khi cần thiết có thể huy động thêm nguồn dự phòng từ các trạm phát điện Diesel hiện có khu giếng Vàng Danh, gồm: 07 tổ hợp máy phát diesel, công suất mỗi máy 2500 kVA và khu giếng Cánh Gà, gồm 02 tổ hợp máy phát diesel, công suất mỗi máy 2500 kVA.

- Đầu tư mới các TBA, TPP và hệ thống đường dây đảm bảo cung cấp điện an toàn, ổn định cho các hộ tiêu thụ.

b. Cung cấp nước, thải nước:

- Cung cấp nước:

+ Nước phục vụ sản xuất và cứu hỏa được lấy từ Trạm xử lý nước thải hầm lò, công suất 3000 m³/h dẫn về 02 bể, dung tích mỗi bể 300 m³ (01 bể cấp nước cứu hỏa, 01 bể cấp nước sản xuất) tại mặt bằng +165. Từ đây nước được hệ thống ống dẫn cấp tới các hộ tiêu thụ trên MB +105 và trong lò nhờ chênh cao địa hình.

+ Nước sinh hoạt (tắm, giặt sấy) được lấy từ Trạm xử lý nước sinh hoạt công suất 2000 m³/ng.đ dẫn về bể chứa nước dung tích 200 m³ tại MB +165. Từ đây nước tự chảy xuống MB +105 nhờ chênh cao địa hình.

+ Nước phục vụ ăn uống, được đầu nối trực tiếp với hệ thống đường ống nước sạch của địa phương.

- Thải nước:

+ Toàn bộ nước thải sinh hoạt trên mặt bằng được xử lý tại Trạm xử lý nước thải công suất 650 m³/ng.đ xây dựng mới tại MB +105.

+ Nước thải hầm lò được bơm, dẫn về Trạm xử lý nước thải công suất 3000 m³/h hiện có của Công ty Môi trường - TKV.

c. Cung cấp khí nén:

Sử dụng lại Nhà trạm nén khí cố định tại mặt bằng +110, đầu tư bổ sung 05 máy nén khí trực vít (04 máy làm việc, 01 máy dự phòng), lưu lượng mỗi máy 61,7 m³/phút.

5.10. Tổng mặt bằng và vận tải ngoài

a. Tổng mặt bằng:

- Sử dụng lại mặt bằng sân công nghiệp mức +110 và các MBSCN hiện có của mỏ.
- Xây dựng mới MBSCN mức +105, diện tích khoảng 13,17 ha; mặt bằng cửa gió mức +139, diện tích khoảng 1,72 ha.

b. Vận tải ngoài: Giải pháp vận tải ngoài, cơ bản như vận hành hiện nay, chủ yếu bằng ô tô.

5.11. Chế biến than

Than nguyên khai được sàng sơ bộ tại MBSCN +105 để loại bỏ bột đất đá, than quá cỡ, sau đó toàn bộ sản phẩm dưới sàng sẽ được chuyển bằng băng tải về nhà máy sàng tuyển than Vàng Danh 2 (công suất 2,0 triệu tấn/năm). Đất đá thải sau sàng tuyển được vận chuyển bằng ô tô ra bãi thải +200 (dung tích 823.150 m³) và bãi thải +320 (dung tích 22.697.198 m³).

Khi dự án khai thác hầm lò tầng -50 ÷ -175 khu Cánh Gà ra than, đạt công suất thiết kế, một phần than của Dự án sẽ được điều tiết về Nhà máy tuyển Vàng Danh 1 để sàng tuyển, thông qua hệ thống băng tải sẽ được đầu tư trong giai đoạn sau.

5.12. Thông tin liên lạc, tự động hóa

a. Thông tin liên lạc

- Tại khu vực văn phòng sử dụng lại các thuê bao điện thoại trực thuộc Bưu điện Ưông Bí trang bị cho các phòng ban.

- Đầu tư mới hệ thống thông tin liên lạc kỹ thuật số, tổng đài trung tâm tích hợp các hệ thống: hệ thống liên lạc bằng điện thoại cố định IP, hệ thống liên lạc bằng điện thoại di động, hệ thống phát thanh, hệ thống camera giám sát.

b. Tự động hóa

Đầu tư phòng điều khiển tập trung tại tầng Nhà điều hành sản xuất mặt bằng +105, tại đây trang bị hệ thống máy tính chủ và các thiết bị truyền dẫn trung gian kết nối đồng bộ với hệ thống điều khiển tự động của trạm bơm, trạm quạt, trạm điện, trạm nén khí, tời trục, băng tải chính, hệ thống giám sát, cảnh báo khi để thu thập toàn bộ dữ liệu về hình ảnh, trạng thái và thông số vận hành của các thiết bị.

6. Địa điểm xây dựng: phường Vàng Danh, tỉnh Quảng Ninh.

7. Tổng mức đầu tư (TMDT): 7.376.652.151 nghìn đồng, trong đó:

TT	Nội dung chi phí	Giá trị (1000 đ)		
		Trước thuế	Thuế GTGT	Sau thuế
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	54.759.211	37.921	54.797.132
2	Chi phí xây dựng	3.275.972.212	327.597.221	3.603.569.433
	- Trong lò	2.980.117.796	298.011.780	3.278.129.576
	- Mặt bằng	295.854.415	29.585.442	325.439.857
3	Chi phí thiết bị	1.258.613.585	125.861.359	1.384.474.944
	- Trong lò	1.025.616.121	102.561.613	1.128.177.734
	- Mặt bằng	232.997.464	23.299.746	256.297.210

TT	Nội dung chi phí	Giá trị (1000 đ)		
		Trước thuế	Thuế GTGT	Sau thuế
4	Chi phí quản lý dự án	32.449.577	3.244.958	35.694.535
5	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng công trình	157.625.789	15.759.614	173.385.403
6	Chi phí khác	1.110.090.867	2.291.017	1.112.381.884
	- Các chi phí khác	81.487.747	2.291.017	83.778.764
	- Lãi vay thời gian xây dựng cơ bản	1.028.603.120		1.028.603.120
7	Chi phí dự phòng	1.012.348.820		1.012.348.820
	- Dự phòng cho các khối lượng phát sinh	318.210.167		318.210.167
	- Dự phòng theo yếu tố trượt giá	694.138.653		694.138.653
	TỔNG CỘNG	6.901.860.061	474.792.090	7.376.652.151

8. Nguồn vốn đầu tư: Vốn vay thương mại (tối đa 70% TMDT) và vốn chủ sở hữu (tối thiểu 30% TMDT).

TẬP ĐOÀN CN THAN - KS VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
THAN VÀNG DANH - VINACOMIN
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Uông Bí, ngày 25 tháng 3 năm 2026

BIÊN BẢN
CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN VÀNG DANH - VINACOMIN

Tên Doanh nghiệp: Công ty cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin
Mã số doanh nghiệp: 5700101877 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 01/01/2008, thay đổi lần thứ 12 ngày 04/03/2025
Địa chỉ: Số 969 đường Bạch Đằng, phường Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh
Thời gian họp: Bắt đầu lúc 09 giờ 00 phút ngày 25/03/2026.
Kết thúc hồi 10 giờ 30 phút cùng ngày.
Địa điểm họp: Hội trường Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin
Chương trình đại hội: Theo chương trình và nội dung của Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã được Đại hội thông qua.
Chủ tọa Đại hội: Ông Nguyễn Văn Dũng - Chủ tịch Hội đồng quản trị.
Thư ký Đại hội: Ông Bùi Ngọc Đức, Thư ký Công ty
Số đại biểu tham dự: 65 cổ đông và người được ủy quyền dự họp, đại diện cho 32.411.340 cổ phần bằng 72,0847% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

I. Thành phần tham dự và tính hợp pháp, hợp lệ của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026.

1. Thành phần tham dự

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và các cổ đông của Công ty.

Số đại biểu tham dự: 65 cổ đông và người được ủy quyền dự họp, đại diện cho 32.411.340 cổ phần bằng 72,0847% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Tính hợp lệ

Bà Nguyễn Thị Thủy Dịu – Thành viên Ban kiểm soát Công ty – Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông đọc báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông, theo đó:

Tổng số cổ đông đăng ký tham dự và có mặt tại thời điểm tổ chức Đại hội là 65 cổ đông và người được ủy quyền dự họp, đại diện cho 32.411.340 cổ phần bằng 72,0847% % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tham dự Đại hội.

Qua kiểm tra, tất cả các cổ đông hoặc người Đại diện theo ủy quyền của cổ đông đến tham dự Đại hội đều có đầy đủ năng lực pháp lý và hành vi, đủ tư cách tham dự Đại hội.

Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin. Đại hội đồng cổ đông bất thường 2026 Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin đã hội đủ các điều kiện để tiến hành theo đúng luật định.

II. Nội dung cuộc họp

1. Chủ tọa Đại hội:

- Ông Nguyễn Văn Dũng - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty theo quy định tại Điểm b, Khoản 2) Điều 146 Luật doanh nghiệp 2020 và Điều 20 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

2. Chỉ định Ban thư ký Đại hội

Ông Nguyễn Văn Dũng - Chủ tọa đại hội chỉ định Ban thư ký gồm:

- Ông Bùi Ngọc Đức – Thư ký Công ty

3. Đề xuất Ban kiểm phiếu:

Ông Nguyễn Văn Dũng - Chủ tọa đại hội đề xuất Ban kiểm phiếu gồm:

- Ông Phùng Thế Anh - Thành viên BKS làm trưởng ban; Bà Trần Thị Bích Liên và nhân viên Công ty CP Chứng khoán FPT làm thành viên.

Chủ tọa xin ý kiến các Đại biểu cổ đông biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 65 đại diện cho 32.411.340 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tán thành:	65	đại diện cho:	32.411.340	CP chiếm:	100	% CPBQ dự họp
Không tán thành:	0	đại diện cho:	0	CP chiếm:	0	% CPBQ dự họp
Không ý kiến:	0	đại diện cho:	0	CP chiếm:	0	% CPBQ dự họp

Như vậy, nội dung trên được thông qua với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

4. Thông qua Quy chế Đại hội, Thẻ lệ biểu quyết, Chương trình làm việc của Đại hội đồng cổ đông bất thường bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 65 đại diện cho 32.411.340 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tán thành:	65	đại diện cho:	32.411.340	CP chiếm:	100	% CPBQ dự họp
Không tán thành:	0	đại diện cho:	0	CP chiếm:	0	% CPBQ dự họp
Không ý kiến:	0	đại diện cho:	0	CP chiếm:	0	% CPBQ dự họp

Đại hội đồng cổ đông đã tiến hành biểu quyết thông qua Quy chế Đại hội, Thể lệ biểu quyết, Chương trình làm việc của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Kết quả 100% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp tán thành các nội dung về chương trình Đại hội, Quy chế Đại hội, Thể lệ biểu quyết tại Đại hội.

III. Thực hiện các nội dung chương trình nghị sự của Đại hội.

1. Ông Hồ Quốc – TV HĐQT-Giám đốc Công ty báo cáo:

(i) Tờ trình thông qua việc quyết định đầu tư đối với dự án khai thác hầm lò xuống sâu dưới mức -175, mỏ than Vàng Danh;

(Theo nội dung báo cáo đính kèm).

2. Đại hội biểu quyết thông qua nội dung nghị sự của Đại hội bằng hình thức bỏ phiếu biểu quyết.

Kết quả biểu quyết các chương trình nghị sự của Đại hội như sau:

- Tổng số cổ đông tham gia dự họp: 65 cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

- Tổng số tờ phiếu phát ra: 65 đại diện cho 32.411.340 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu thu về: 65 đại diện cho 32.411.340 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không thu về: 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 65 đại diện cho 32.411.340 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

❖ Thông qua việc quyết định đầu tư đối với dự án khai thác hầm lò xuống sâu dưới mức -175, mỏ than Vàng Danh.

Tán thành:	65	đại diện cho:	32.411.340	CP chiếm:	100	% CPBQ dự họp
Không tán thành:	0	đại diện cho:	0	CP chiếm:	0	% CPBQ dự họp
Không ý kiến:	0	đại diện cho:	0	CP chiếm:	0	% CPBQ dự họp

Như vậy, nội dung trên được thông qua với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

IV. Bế mạc Đại hội

1. Ông Bùi Ngọc Đức - Thay mặt Ban Thư ký Đại hội lên trình bày dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

2. Ông Nguyễn Văn Dũng - Chủ tọa Đại hội xin ý kiến Đại hội thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số cổ đông tham gia dự họp: 65 cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

- Tổng số tờ phiếu phát ra: 65 đại diện cho 32.411.340 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu thu về: 65 đại diện cho 32.411.340 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không thu về: 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 65 đại diện cho 32.411.340 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Các cổ đông biểu quyết:

Tán thành:	65	đại diện cho:	32.411.340	CP chiếm:	100	% CPBQ dự họp
Không tán thành:	0	đại diện cho:	0	CP chiếm:	0	% CPBQ dự họp
Không ý kiến:	0	đại diện cho:	0	CP chiếm:	0	% CPBQ dự họp

Như vậy, nội dung trên được thông qua với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

3. Ông Nguyễn Văn Dũng - Chủ tọa Đại hội làm các thủ tục tuyên bố Bế mạc Đại hội.

Đại hội kết thúc hồi 10h30ph cùng ngày 25/3/2026.

Biên bản này đã được thông qua toàn văn trước Đại hội và được sự tán thành của tất cả cổ đông tham dự Đại hội. Đại hội giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty ký, ban hành Nghị quyết của Đại hội để triển khai thực hiện./.

THƯ KÝ



Bùi Ngọc Đức

CHỦ TỌA



Nguyễn Văn Dũng

Số: 243 /TTr-TVD

Uông Bí, ngày 03 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v đề nghị thông qua quyết định đầu tư đối với dự án
khai thác hầm lò xuống sâu dưới mức -175, mỏ than Vàng Danh

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin. Công ty Cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin đã tổ chức lập dự án: Đầu tư khai thác hầm lò xuống sâu dưới mức -175, mỏ than Vàng Danh theo quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 ban hành theo Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 26/07/2023 của Thủ tướng Chính phủ, trình các cấp có thẩm quyền thẩm định, thông qua.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin thì đối với việc “*Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty*” thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Tại Đại hội đồng cổ đông bất thường này, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin xem xét biểu quyết thông qua việc quyết định đầu tư đối với dự án khai thác hầm lò xuống sâu dưới mức -175, mỏ than Vàng Danh với một số nội dung chính như sau:

- + Tên dự án: Khai thác hầm lò xuống sâu dưới mức -175, mỏ than Vàng Danh
 - + Nhóm dự án, loại cấp công trình dự án: Nhóm A, Công trình công nghiệp, cấp I.
 - + Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Than Vàng Danh- Vinacomin.
 - + Địa điểm đầu tư: Phường Vàng Danh, Uông Bí-Quảng Ninh.
 - + Công suất thiết kế: 2,0 triệu tấn than nguyên khai/năm.
 - + Tuổi thọ dự án: 38 năm (bao gồm: thời gian xây dựng cơ bản 08 năm, khai thác đạt công suất thiết kế và tắt dần 30 năm).
 - + Tổng mức đầu tư: 7.376.652.151.000 đồng.
 - + Nguồn vốn đầu tư: Vốn vay thương mại 70% (tối đa 70% TMĐT) và vốn chủ sở hữu (tối thiểu 30% TMĐT).
 - + Về nội dung dự án có báo cáo tóm tắt dự án kèm theo
- Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty./. *VP*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, HĐQT; TKCT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
TV HĐQT-GIÁM ĐỐC



TÓM TẮT NỘI DUNG DỰ ÁN TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THAN VÀNG DANH-VINACOMIN

(Kèm theo Tờ trình số ~~243~~ ²⁴² /TTr-TVD ngày 03 tháng 3 năm 2026)

1. Tên dự án: Khai thác hầm lò xuống sâu dưới mức -175 mỏ than Vàng Danh.

2. Nhóm dự án, loại, cấp công trình

Dự án nhóm A; công trình công nghiệp khai thác mỏ hầm lò, cấp I; công suất 2,0 triệu tấn than nguyên khai/năm.

3. Người quyết định đầu tư: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin.

4. Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin.

5. Nội dung và quy mô đầu tư

5.1. Ranh giới và trữ lượng khai trường

- Ranh giới khai trường:

+ Trên mặt: Giới hạn bởi 19 điểm mốc tọa độ (từ 5.1 ÷ VD3), diện tích 12,37 km².

+ Theo chiều sâu: Từ mức -175 m đến mức -350 m (đào lò trong đá đến mức -385 m).

- Trữ lượng khai trường:

+ Trữ lượng địa chất huy động (06 vỉa huy động vào khai thác): 64.218 nghìn tấn.

+ Trữ lượng công nghiệp: 41.596 nghìn tấn.

+ Quy đổi theo than nguyên khai: 55.162 nghìn tấn.

5.2. Công suất thiết kế và tuổi thọ dự án

- Công suất thiết kế: 2.000.000 tấn than nguyên khai/năm.

- Tuổi thọ dự án: 38 năm (bao gồm: thời gian xây dựng cơ bản 08 năm, khai thác đạt công suất thiết kế và tắt dần 30 năm).

5.3. Mở vỉa và chuẩn bị khai trường

a. Mặt bằng sân công nghiệp: Chọn mặt bằng mức +105 (nằm đối diện với Nhà máy tuyển than Vàng Danh 2, bên cạnh ga đường sắt nhận than của nhà máy tuyển) làm mặt bằng sân công nghiệp chính của Dự án, diện tích khoảng 13,17 ha.

b. Mở vỉa khai trường: Bằng cặp giếng nghiêng từ mặt bằng +105 xuống mức -350 (đối với giếng phụ), mức -385 (với giếng chính), kết hợp với Ngầm thông gió mức +139 ÷ -175 và xuyên vỉa tầng mức -175, -350.

- Giếng nghiêng chính được mở từ mặt bằng mức +105 xuống mức -385 với $L = 1.802 \text{ m}$, $\alpha = 16^\circ$. Giếng chính được trang bị băng tải $B = 1.200 \text{ mm}$ để vận tải than và hệ thống tời vô cực, chạy nền để vận chuyển người.

- Giếng nghiêng phụ được mở từ mặt bằng mức +105 xuống mức -350 với

$L=1.666\text{ m}$, $\alpha = 16^{\circ}40'$. Giếng phụ được trang bị hệ thống tời trục một tang, đường kính 4,0 m để vận chuyển vật liệu, đất đá và hệ thống tời vô cực, chạy nền để vận chuyển người.

- Ngầm thông gió +139 ÷ -175 được mở từ mặt bằng mức +139 xuống mức -175, dài 1.064 m, trong đó: đoạn lò có góc dốc 24° , dài 430 m; đoạn lò có góc dốc $13^{\circ}30'$, dài 599 m. Ngầm thông gió +139 ÷ -175 lắp đặt trạm quạt gió chính để phục vụ thông gió.

- Thượng trục tải +139 ÷ -175 (sử dụng lại): Thượng có nhiệm vụ vận tải vật tư, vật liệu, đất đá từ mặt bằng +139 xuống mức -175 và ngược lại bằng máy trục một đầu cáp đường kính 2,5 m.

- Tại mức vận tải -350 tiến hành mở hệ thống sân ga, hầm trạm với tổng chiều dài 2.992 m. Từ sân ga mức -350, tiến hành đào hệ thống đường lò dọc vỉa đá, xuyên vỉa đá tới các khu khai thác để tiếp cận các vỉa than.

- Mức thông gió -175, cơ bản sử dụng lại hệ thống đường lò dọc vỉa, xuyên vỉa đá của tầng +0 ÷ -175. Đào bổ sung một số đường lò dọc vỉa, xuyên vỉa mức -175 để kết nối với giếng nghiêng phụ đào mới và phù hợp với phương án mở vỉa.

c. Chuẩn bị khai trường:

- Chuẩn bị theo tầng khai thác, mỗi tầng được chia thành các phân tầng. Các lò chợ được chuẩn bị theo sơ đồ khâu giật, phù hợp với phương án chuẩn bị của hệ thống khai thác.

- Giai đoạn xây dựng cơ bản, xây dựng 09 lò chợ với thông số kỹ thuật chủ yếu của các lò chợ như sau:

TT	Tên lò chợ	Chiều dài, m		Chiều dày TB (than sạch), m	Góc dốc TB, độ	HTKT áp dụng	CSTK, tấn/năm
		Theo phương	Theo góc dốc				
I	KHU I						
1	LC I-7-1	360	90	6,44	70	Giàn mềm ZRY	110.000
2	LC I-7-2	535	120	5,82	20	Giá khung	200.000
3	LC I-8-1	510	90	5,79	70	Giàn mềm ZRY	110.000
4	LC I-8-2	382	92	7,31	25	Giá khung	200.000
5	LC I-8-3	377	120	7,31	7	CGH	500.000
II	KHU II						
6	LC II-7-1	440	120	5,83	25	Giá khung	180.000
7	LC II-7-3	520	95	5,83	63	Giàn mềm ZRY	110.000
8	LC II-8-1	570	105	3,82	25	Giá khung	190.000
9	LC II-8-3	450	95	3,82	20	Giá khung	190.000

5.4. Giếng mở, sân ga và hầm trạm

- Giếng nghiêng chính: Được mở từ mặt bằng mức +105 xuống mức -385 với $L= 1.802\text{ m}$, $\alpha= 16^{\circ}$; tiết diện đào/chống: đoạn chống BTCT lưu vì $25,4/19,5\text{ m}^2$, đoạn chống thép $24,1/20,9\text{ m}^2$, đoạn chống neo + bê tông phun $23,3/22,5\text{ m}^2$.

- Giếng nghiêng phụ: Được mở từ mặt bằng mức +105 xuống mức -350 với $L=1.666$ m, $\alpha = 16^{\circ}40'$; tiết diện đào/chống: đoạn BTCT lưu vi 28,1/21,2 m², đoạn chống thép 26,3/22,9 m², đoạn chống neo + bê tông phun 25,4/24,7 m².

- Ngầm thông gió +139 ÷ -175 được mở từ mặt bằng mức +139 xuống mức -175 với $L=1.064$ m (trong đó: đoạn lò có góc dốc 24° , dài 430 m; đoạn lò có góc dốc $13^{\circ}30'$, dài 599 m); chống lò bằng bê tông lưu vi và BTCT, tiết diện đào/chống: 23,6/17,0 m².

- Tại chân giếng mức -350 tiến hành mở hệ thống sân ga, hầm trạm với tổng chiều dài 2.992 m, từ đây tiến hành đào hệ thống đường lò dọc vỉa đá, xuyên vỉa đá tới các khu khai thác để tiếp cận các vỉa than.

5.5. Vận tải qua giếng và trong lò

a. Vận tải qua giếng

- Giếng nghiêng chính +105 ÷ -385:

+ Vận tải than bằng băng tải $B=1.200$ mm, gồm 02 băng: băng tải số 01 dài 912,5 m, băng tải số 02 dài 885 m, năng suất các băng 666 tấn/giờ.

+ Vận tải người lên xuống bằng tời vô cực chạy nền, chiều dài vận chuyển 1.700 m; chở tối đa 192 người/chuyến.

- Giếng nghiêng phụ +105 ÷ -350:

+ Vận chuyển đất đá, thiết bị vật liệu bằng tời trục một đầu cáp, đường kính tang $D=4,0$ m, bề rộng tang $B=2,7$ m, kết hợp với gòong chở đất đá, chở thiết bị.

+ Vận tải người lên xuống bằng tời vô cực chạy nền, chiều dài vận chuyển 1.650 m; chở tối đa 192 người/chuyến.

- Thượng trục tải +139 ÷ -175: Sử dụng tời trục một đầu cáp, đường kính tang $D=2,5$ m, bề rộng tang $B=2,0$ m, kết hợp với xe gòong để chở đất đá, vật liệu từ mặt bằng +139 xuống mức -175 và ngược lại.

b. Vận tải trong lò: Vận tải người bằng tời vô cực và tàu điện; vận tải thiết bị, vật liệu bằng tời trục, tàu điện kết hợp monoray; vận tải đất đá bằng tời trục và tàu điện; vận tải than bằng băng tải, máng cào, máng trượt.

5.6 . Hệ thống khai thác, công tác đào lò

a. Hệ thống khai thác (HTKT)

a.1. Giai đoạn xây dựng cơ bản (XD CB)

Giai đoạn XD CB, thiết kế lựa chọn các HTKT như sau:

- HTKT cột dài theo phương, lò chợ CGH đồng bộ có thu hồi than nóc, khâu than bằng máy khâu hai tang, chống giữ lò chợ bằng giàn tự hành. Áp dụng cho các vỉa than có chiều dày $\geq 3,5$ m, góc dốc $\leq 35^{\circ}$, đất đá vách bất kỳ, đất đá trụ có độ bền vững trung bình trở lên, điều khiển đá vách bằng phá hoá toàn phần.

- HTKT cột dài theo phương chống giá khung di động (loại có liên kết mềm hoặc giá xích), áp dụng cho các vỉa có chiều dày $\geq 1,6$ m, góc dốc $\leq 45^{\circ}$, đất đá vách kém ổn định đến ổn định trung bình, mức độ biến đổi chiều dày, góc dốc

tương đối ổn định đến ổn định; khâu than bằng khoan nổ mìn, điều khiển đá vách bằng phá hoá toàn phần.

- HTKT cột dài theo phương, lò chợ xiên chéo, chống bằng giàn mềm, áp dụng cho vỉa có chiều dày từ $1,6 \div 10$ m, góc dốc trên 40^0 ; khâu than bằng khoan nổ mìn, điều khiển đá vách bằng phá hoá toàn phần.

a.2. Giai đoạn duy trì công suất thiết kế

Ngoài các HTKT áp dụng trong giai đoạn XD CB nêu trên, trong giai đoạn duy trì công suất thiết kế, nghiên cứu áp dụng một số HTKT khác khi đủ điều kiện, như:

- HTKT cột dài theo phương, lò chợ CGH đồng bộ hạng nhẹ có thu hồi than nóc, khâu than bằng máy khâu.

- HTKT lò dọc vỉa phân tầng, khâu than bằng khoan nổ mìn, chống giữ bằng giá khung di động.

- HTKT chia lớp ngang nghiêng, khâu than bằng khoan nổ mìn, chống giữ lò chợ bằng giá khung di động.

- HTKT cột dài theo phương, chống giữ lò chợ bằng giá khung di động/giá xích, khâu than bằng máy khâu.

- HTKT cột dài theo phương, lò chợ xiên chéo, chống bằng giàn mềm, khâu than bằng máy khâu.

Ngoài ra, trong quá trình duy trì công suất thiết kế, trường hợp có các HTKT tiên tiến, hiệu quả hơn, sẽ nghiên cứu áp dụng để nâng cao hiệu quả Dự án.

b. Công nghệ đào lò: Đào lò cơ giới hóa bằng máy COMBAI đào lò, đào lò thủ công bằng khoan nổ mìn.

5.7. Thông gió mỏ

- Cấp khí mỏ: Mỏ xếp loại I về khí CH_4 .

- Sử dụng sơ đồ thông gió trung tâm, phương pháp thông gió hút. Gió sạch đi vào mỏ qua cặp giếng nghiêng chính và phụ, sau đó theo hệ thống đường lò dọc vỉa, xuyên vỉa mức -350 tới thông gió cho các lò chợ. Gió thải thoát ra từ lò chợ, theo hệ thống đường lò dọc vỉa, xuyên vỉa thông gió mức -175 và được hút ra ngoài qua trạm quạt gió chính đặt tại Rãnh gió +139 (xây dựng mới).

- Thông số trạm quạt gió chính: Trạm quạt gió tại Rãnh gió +139 gồm 02 quạt FBDCZ-8-N₀32 (01 làm việc và 01 dự phòng).

- Thông gió cho các gương đào lò bằng các quạt gió cục bộ, phương pháp thông gió đẩy.

5.8. Tháo khô, thoát nước khai trường

- Giải pháp thoát nước trong lò: Duy trì các hầm bơm của dự án tầng trên như: hầm bơm mức +0, mức -10 và mức -175; xây dựng mới hầm bơm mức -350 để thoát nước cho tầng -175 ÷ -350 của dự án. Theo đó, nước từ các lò chứa nước mức -350 sẽ được bơm cưỡng bức qua hệ thống đường ống được lắp đặt tại giếng

ngiên phụ lên mặt bằng +105 và được đưa về hồ xử lý nước thải tập trung của Công ty Môi trường - TKV hiện có.

- Trang thiết bị cho hầm bơm:

+ Máy bơm: Hầm bơm mức -350 gồm 03 tổ hợp (mỗi tổ hợp gồm 03 bơm), có thông số kỹ thuật như sau: $Q = 550/720/850 \text{ m}^3/\text{h}$; $H = 660/600/540 \text{ m}$.

+ Đường ống dẫn: Số lượng tuyến ống đẩy thoát nước cho hầm bơm mức -350 là 03 tuyến, đường kính ống 500 mm, áp suất từ $16 \div 64 \text{ at}$ (02 làm việc, 01 dự phòng); vật liệu là thép đúc, ống phức hợp chịu mài mòn Polyethylene hoặc vật liệu khác có tiêu chuẩn tương đương.

5.9. Cung cấp điện, nước, khí nén

a. Cung cấp điện:

- Nguồn điện lưới:

+ Khi TBA 220 kV Khe Thần chưa xây dựng (TBA Khe Thần đã có trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2025), nguồn điện lưới phục vụ Dự án sẽ được lấy từ TBA 110 kV Uông Bí thông qua 03 lộ tuyến, trong đó: 02 lộ tuyến 372, 373 hiện có (sẽ được Điện lực tỉnh Quảng Ninh nâng cấp tiết diện tuyến đường dây lên AC-150) và 01 lộ tuyến mới sẽ được Điện lực tỉnh Quảng Ninh xây dựng.

+ Khi TBA 220 kV Khe Thần được đầu tư xây dựng, điện lưới sẽ được bổ sung thêm nguồn từ TBA Khe Thần bằng 02 lộ tuyến được đầu tư, xây dựng mới.

- Nguồn điện dự phòng: Xây dựng mới Trạm phát điện Diesel tại MBSCN mức +105 với 05 tổ hợp máy phát, công suất mỗi máy 2.500 kW. Ngoài ra, khi cần thiết có thể huy động thêm nguồn dự phòng từ các trạm phát điện Diesel hiện có khu giếng Vàng Danh, gồm: 07 tổ hợp máy phát diesel, công suất mỗi máy 2500 kVA và khu giếng Cánh Gà, gồm 02 tổ hợp máy phát diesel, công suất mỗi máy 2500 kVA.

- Đầu tư mới các TBA, TPP và hệ thống đường dây đảm bảo cung cấp điện an toàn, ổn định cho các hộ tiêu thụ.

b. Cung cấp nước, thải nước:

- Cung cấp nước:

+ Nước phục vụ sản xuất và cứu hỏa được lấy từ Trạm xử lý nước thải hầm lò, công suất $3000 \text{ m}^3/\text{h}$ dẫn về 02 bể, dung tích mỗi bể 300 m^3 (01 bể cấp nước cứu hỏa, 01 bể cấp nước sản xuất) tại mặt bằng +165. Từ đây nước được hệ thống ống dẫn cấp tới các hộ tiêu thụ trên MB +105 và trong lò nhờ chênh cao địa hình.

+ Nước sinh hoạt (tắm, giặt sấy) được lấy từ Trạm xử lý nước sinh hoạt công suất $2000 \text{ m}^3/\text{ng.đ}$ dẫn về bể chứa nước dung tích 200 m^3 tại MB +165. Từ đây nước tự chảy xuống MB +105 nhờ chênh cao địa hình.

+ Nước phục vụ ăn uống, được đầu nối trực tiếp với hệ thống đường ống nước sạch của địa phương.

- Thải nước:

+ Toàn bộ nước thải sinh hoạt trên mặt bằng được xử lý tại Trạm xử lý nước thải công suất $650 \text{ m}^3/\text{ng.đ}$ xây dựng mới tại MB +105.

+ Nước thải hầm lò được bơm, dẫn về Trạm xử lý nước thải công suất $3000 \text{ m}^3/\text{h}$ hiện có của Công ty Môi trường - TKV.

c. Cung cấp khí nén:

Sử dụng lại Nhà trạm nén khí cố định tại mặt bằng +110, đầu tư bổ sung 05 máy nén khí trục vít (04 máy làm việc, 01 máy dự phòng), lưu lượng mỗi máy $61,7 \text{ m}^3/\text{phút}$.

5.10. Tổng mặt bằng và vận tải ngoài

a. Tổng mặt bằng:

- Sử dụng lại mặt bằng sân công nghiệp mức +110 và các MBSCN hiện có của mỏ.

- Xây dựng mới MBSCN mức +105, diện tích khoảng 13,17 ha; mặt bằng cửa gió mức +139, diện tích khoảng 1,72 ha.

b. Vận tải ngoài: Giải pháp vận tải ngoài, cơ bản như vận hành hiện nay, chủ yếu bằng ô tô.

5.11. Chế biến than

Than nguyên khai được sàng sơ bộ tại MBSCN +105 để loại bỏ bột đất đá, than quá cỡ, sau đó toàn bộ sản phẩm dưới sàng sẽ được chuyển bằng băng tải về nhà máy sàng tuyển than Vàng Danh 2 (công suất 2,0 triệu tấn/năm). Đất đá thải sau sàng tuyển được vận chuyển bằng ô tô ra bãi thải +200 (dung tích 823.150 m^3) và bãi thải +320 (dung tích $22.697.198 \text{ m}^3$).

Khi dự án khai thác hầm lò tầng -50 ÷ -175 khu Cánh Gà ra than, đạt công suất thiết kế, một phần than của Dự án sẽ được điều tiết về Nhà máy tuyển Vàng Danh 1 để sàng tuyển, thông qua hệ thống băng tải sẽ được đầu tư trong giai đoạn sau.

5.12. Thông tin liên lạc, tự động hóa


a. Thông tin liên lạc

- Tại khu vực văn phòng sử dụng lại các thuê bao điện thoại trực thuộc Bưu điện Ưông Bí trang bị cho các phòng ban.

- Đầu tư mới hệ thống thông tin liên lạc kỹ thuật số, tổng đài trung tâm tích hợp các hệ thống: hệ thống liên lạc bằng điện thoại cố định IP, hệ thống liên lạc bằng điện thoại di động, hệ thống phát thanh, hệ thống camera giám sát.

b. Tự động hóa

Đầu tư phòng điều khiển tập trung tại tầng Nhà điều hành sản xuất mặt bằng +105, tại đây trang bị hệ thống máy tính chủ và các thiết bị truyền dẫn trung gian kết nối đồng bộ với hệ thống điều khiển tự động của trạm bơm, trạm quạt, trạm điện, trạm nén khí, tời trục, băng tải chính, hệ thống giám sát, cảnh báo khi đề thu thập toàn bộ dữ liệu về hình ảnh, trạng thái và thông số vận hành của các thiết bị.

6. Địa điểm xây dựng: phường Vàng Danh, tỉnh Quảng Ninh. 

7. Tổng mức đầu tư (TMĐT): 7.376.652.151 nghìn đồng, trong đó:

TT	Nội dung chi phí	Giá trị (1000 đ)		
		Trước thuế	Thuế GTGT	Sau thuế
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	54.759.211	37.921	54.797.132
2	Chi phí xây dựng	3.275.972.212	327.597.221	3.603.569.433
	- Trong lò	2.980.117.796	298.011.780	3.278.129.576
	- Mặt bằng	295.854.415	29.585.442	325.439.857
3	Chi phí thiết bị	1.258.613.585	125.861.359	1.384.474.944
	- Trong lò	1.025.616.121	102.561.613	1.128.177.734
	- Mặt bằng	232.997.464	23.299.746	256.297.210
4	Chi phí quản lý dự án	32.449.577	3.244.958	35.694.535
5	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng công trình	157.625.789	15.759.614	173.385.403
6	Chi phí khác	1.110.090.867	2.291.017	1.112.381.884
	- Các chi phí khác	81.487.747	2.291.017	83.778.764
	- Lãi vay thời gian xây dựng cơ bản	1.028.603.120		1.028.603.120
7	Chi phí dự phòng	1.012.348.820		1.012.348.820
	- Dự phòng cho các khối lượng phát sinh	318.210.167		318.210.167
	- Dự phòng theo yếu tố trượt giá	694.138.653		694.138.653
	TỔNG CỘNG	6.901.860.061	474.792.090	7.376.652.151

8. Nguồn vốn đầu tư: Vốn vay thương mại 70% (tối đa 70% TMĐT) và vốn chủ sở hữu (tối thiểu 30% TMĐT). ~~ph~~

Uông Bí, ngày 25 tháng 03 năm 2026

CHƯƠNG TRÌNH
Họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026
Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin


Kính gửi: Quý cổ đông

Hội đồng quản trị Công ty dự thảo chương trình Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 như sau:

- Thời gian họp Đại hội dự kiến: 9h00 - 11h30 ngày 25/03/2026.
- Địa điểm: Hội trường tầng 2 nhà ăn số 1 Công ty.
- Địa chỉ: số 969 đường Bạch Đằng, phường Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

TT	Thời gian	Nội dung	Người thực hiện
1.	09h00-09h15	Đón tiếp đại biểu, kiểm tra tư cách cổ đông, hướng dẫn đăng ký và phát tài liệu	Ban kiểm tra tư cách đại biểu; NV FPT
2.	09h15- 09h25	Khai mạc: - Chào cờ - Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu; - Giới thiệu Chủ tọa Đại hội	Ông Hoàng Văn TP.TCLĐ
3.	09h25-9h30	Giới thiệu và chỉ định thư ký đại hội: ông Bùi Ngọc Đức - Thư ký Công ty; Xin ý kiến biểu quyết nhân sự đối với Ban kiểm phiếu: Ông Phùng Thế Anh làm Trưởng Ban; bà Trần Thị Bích Liên-PP KB-Thành viên và các nhân viên Công ty CP Chứng khoán FPT;	Chủ tọa Đại hội
4.	09h30-09h45	Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự ĐH	Bà Nguyễn Thị Thuỷ Dịu-TV BKS
5.	9h45-10h00	- Trình bày dự thảo chương trình Đại hội; - Trình bày dự thảo Quy chế làm việc Đại hội; - Trình bày dự thảo Thể lệ biểu quyết;	Thư ký Đại hội
6.	10h00-10h10	- Biểu quyết thông qua chương trình Đại hội; - Biểu quyết thông qua quy chế làm việc Đại hội; - Biểu quyết thông qua Thể lệ biểu quyết;	Chủ tọa Đại hội
7.	10h15-10h30	Trình bày Tờ trình về việc thông qua quyết định đầu tư đối với dự án khai thác hầm lò xuống sâu dưới mức -175, mỏ than Vàng Danh.	Ông Hồ Quốc-TVHĐQT-Giám đốc Công ty
8.	10h30÷10h35	Điều hành phần biểu quyết tại ĐH	Chủ tọa Đại hội
9.	10h35-10h45	Hướng dẫn bỏ phiếu biểu quyết tại Đại hội và thực hiện công tác bỏ phiếu biểu quyết.	Trưởng ban kiểm phiếu
10.	10h45÷10h55	Nghỉ giải lao	
11.	10h55-11h05	Công bố kết quả biểu quyết	Trưởng ban kiểm phiếu

TT	Thời gian	Nội dung	Người thực hiện
12.	11h05-11h15	Trình bày dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội	Thư ký ĐH
13.	11h15-11h25	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội	Chủ tọa Đại hội
14.	11h25 -11h30	Bế mạc Đại hội	Chủ tọa

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Than Vàng Danh- Vinacomin trân trọng đề nghị Đại hội đồng cổ đông của Công ty xem xét thông qua nội dung chương trình đại hội để thực hiện./. 

Nơi nhận:

- Các cổ đông của Công ty;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Phòng CV (Công bố TT và đăng Website);
- Lưu: Hồ sơ đại hội.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Dũng

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
THAN VÀNG DANH - VINACOMIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Uông Bí, ngày 25 tháng 03 năm 2026

QUY CHẾ LÀM VIỆC
Tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026
Công ty CP Than Vàng Danh - Vinacomin

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các luật sửa đổi có liên quan;
Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các luật sửa đổi có liên quan;
Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi Nghị định có
liên quan;*

Căn cứ Điều lệ Công ty CP Than Vàng Danh - Vinacomin,

Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty CP Than Vàng Danh -
Vinacomin được tổ chức và thực hiện theo Quy chế này.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích và yêu cầu

1. Mục đích: Để Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 làm việc đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty CP Than Vàng Danh - Vinacomin (sau đây viết tắt là Công ty) nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty và của cổ đông.

2. Yêu cầu: Nội dung Quy chế đảm bảo nguyên tắc không trái pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 2. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi áp dụng: Quy chế này được áp dụng trong thời gian tổ chức họp đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty.

2. Đối tượng áp dụng: Bao gồm các cổ đông, người đại diện theo ủy quyền và các thành phần khác được mời dự họp Đại hội.

Chương II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Điều kiện dự họp Đại hội

Là cổ đông của Công ty có tên trong danh sách do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) chốt ngày 23/02/2026; người đại diện do một cổ đông hoặc nhóm cổ đông ủy quyền và những thành phần khác được mời dự họp.

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền dự họp đại hội (sau đây viết tắt là Người dự họp)

1. Quyền:

Người dự họp có các quyền cơ bản sau:

- a) Được trực tiếp họp đại hội; thảo luận, phát biểu ý kiến và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền nội dung Đại hội;
- b) Được nhận 01 **“Thẻ biểu quyết”**, 01 **“Phiếu biểu quyết”** và tài liệu phục vụ cho việc thảo luận, phát biểu và biểu quyết. Tài liệu được đóng dấu treo của Công ty.
- c) Người dự họp đến muộn có quyền đăng ký và tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội đối với các vấn đề chưa biểu quyết, khi đó Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của các lần biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.
- d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Nghĩa vụ:

Người dự họp có nghĩa vụ cơ bản sau:

- a) Người dự họp phải mang theo Căn cước công dân, Hộ chiếu...; Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền);
- b) Khi vào phòng họp Đại hội, Người dự họp hoặc người phiên dịch (nếu có) phải tuyệt đối tuân thủ sự sắp xếp của Ban tổ chức, ngồi đúng vị trí theo Mã số cổ đông do Ban tổ chức dán sau ghế.
- c) Không hút thuốc hoặc sử dụng chất kích thích khác trong phòng họp Đại hội và không dự họp Đại hội trong tình trạng say rượu hoặc bị ảnh hưởng của chất kích thích khác đến mức không làm chủ hành vi của mình.
- d) Không nói chuyện riêng, không làm việc riêng, không thực hiện những hành vi gây mất trật tự hoặc có hành vi khác gây trở ngại cho quá trình diễn ra đại hội... không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội (*tất cả các máy điện thoại di động phải đặt chế độ rung hoặc tắt máy*). Trường hợp do sự kiện bất khả kháng hoặc phát sinh việc cá nhân, thì xin ý kiến Chủ tọa để ra ngoài phòng họp.
- e) Chỉ phát biểu tại Đại hội về những nội dung có trong Chương trình Đại hội.
- g) Thông báo cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông nếu không tiếp tục tham gia họp Đại hội.
- h) Tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa Đại hội.

Điều 5. Sử dụng “Thẻ biểu quyết”, “Phiếu biểu quyết” để thông qua nội dung tại Đại hội

1. Thẻ biểu quyết

1.1. Một số nội dung trong chương trình của Đại hội được Đại hội thảo luận biểu quyết công khai bằng “Thẻ biểu quyết”. “Thẻ biểu quyết” có đóng dấu treo của Công ty. Trên “Thẻ biểu quyết” có ghi rõ mã số, họ tên cổ đông hoặc người đại diện, tổng số cổ phần sở hữu/ đại diện sở hữu và nhận ủy quyền.

1.2. Việc giơ “Thẻ biểu quyết” thực hiện theo điều hành của Chủ tọa dưới hình thức câu hỏi. Kết quả giơ “Thẻ biểu quyết” được Chủ tọa Công bố ngay tại Đại hội sau khi đã kết thúc biểu quyết từng nội dung.

1.3. Cách thức giơ Thẻ biểu quyết:

a) Giờ thẻ biểu quyết hợp lệ: Việc giờ “Thẻ biểu quyết” cho một nội dung chỉ thực hiện giờ một lần “Tán thành” hoặc “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến”. Khi biểu quyết cần giờ cao “Thẻ biểu quyết”, mặt trước của Thẻ hướng về phía Chủ tọa đại hội.

b) Trường hợp người dự họp không giờ thẻ biểu quyết trong cả 3 lần biểu quyết **“Tán thành”**, **“Không tán thành”** và **“Không có ý kiến”** của một nội dung biểu quyết thì được xem là biểu quyết tán thành nội dung biểu quyết đó.

c) Trường hợp người dự họp giờ thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần với một nội dung biểu quyết thì lựa chọn sau cùng của cổ đông sẽ được ghi nhận là kết quả biểu quyết của cổ đông.

2. Phiếu biểu quyết

Một số nội dung trong chương trình của Đại hội được Đại hội thảo luận biểu quyết công khai bằng “Phiếu biểu quyết”. “Phiếu biểu quyết” có đóng dấu treo của Công ty. Trên “Phiếu biểu quyết” có ghi rõ mã số, họ tên cổ đông hoặc người đại diện, tổng số cổ phần sở hữu/ đại diện sở hữu và nhận ủy quyền.

Mỗi nội dung biểu quyết trên Phiếu biểu quyết có 3 ô để người dự họp điền lựa chọn ý kiến biểu quyết bao gồm:

- + Ô biểu quyết Tán thành;
- + Ô biểu quyết Không tán thành;
- + Ô biểu quyết Không có ý kiến.

Khi biểu quyết từng nội dung, người dự họp thể hiện ý kiến biểu quyết (**“Tán thành”** hoặc **“Không tán thành”** hoặc **“Không có ý kiến”**) bằng cách đánh dấu (X) hoặc dấu (V) vào 01 trong 03 ô biểu quyết, ký và ghi rõ họ tên vào Phiếu biểu quyết đề nộp cho Ban Kiểm phiếu.

- Phiếu biểu quyết là không hợp lệ trong các trường hợp sau:

- + Phiếu biểu quyết không theo mẫu do Ban Tổ chức Đại hội phát hành, không được đóng dấu treo đỏ của Công ty;
- + Phiếu biểu quyết rách, nát hoặc có viết thêm bất kỳ ký hiệu nào khác;
- + Phiếu biểu quyết không được cổ đông/người đại diện của cổ đông dự họp ký và ghi rõ họ tên;
- + Phiếu biểu quyết bị gạch xóa, sửa chữa;
- + Phiếu biểu quyết mà người dự họp không đánh dấu vào ô biểu quyết nào hoặc đánh dấu vào nhiều hơn một ô biểu quyết đối với một nội dung biểu quyết.

- Việc nộp Phiếu biểu quyết được thực hiện theo hiệu lệnh của Chủ tọa Đại hội.

- Trường hợp cổ đông/người đại diện của cổ đông có yêu cầu đổi lại Phiếu biểu quyết do bị rách, nát, sơ suất viết thêm các ký hiệu lên Phiếu biểu quyết (“Phiếu biểu quyết hỏng”), nếu cổ đông/người đại diện của cổ đông chưa bỏ phiếu vào thùng phiếu và chưa hết thời hạn bỏ phiếu, được quyền trực tiếp gặp Ban Kiểm phiếu trả lại Phiếu biểu quyết hỏng để đổi lấy Phiếu biểu quyết mới nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông. Ban Kiểm phiếu tập hợp các Phiếu biểu quyết hỏng gửi lại Thư ký Đại hội.

- Khi tiến hành biểu quyết, cổ đông/đại diện cổ đông có quyền quyết định đồng ý hoặc không đồng ý hoặc không có ý kiến bằng cách đánh dấu (X) hoặc (V) vào ô tương ứng với lựa chọn của mình cho từng vấn đề cần biểu quyết trên phiếu biểu quyết.

Chương III

BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG, BAN KIỂM PHIẾU

Điều 6. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau

1. Quyền:

- a) Yêu cầu Người dự họp đại hội xuất trình Căn cước công dân, Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền).
- b) Hướng dẫn và giải thích cho Người dự họp những vấn đề chưa nắm rõ khi đăng ký dự họp.

2. Nghĩa vụ

- a) Cấp cho Người dự họp "Thẻ biểu quyết", "Phiếu biểu quyết" và tài liệu phục vụ cho việc thảo luận, biểu quyết tại đại hội (kể cả những trường hợp đến muộn).
- b) Lập danh sách cổ đông và người được cổ đông ủy quyền đến họp đại hội.
- c) Lập Biên bản kết quả kiểm tra tư cách Người dự họp và báo cáo kết quả tại Đại hội;
- d) Báo cáo với Đại hội trước mỗi lần biểu quyết nếu có sự thay đổi tăng số lượng Người dự họp.
- đ) Chuyển kết quả kiểm tra tư cách Người dự họp cho Chủ tọa đại hội ngay sau khi bế mạc đại hội và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước đại hội về kết quả kiểm tra tư cách Người dự họp.

- e) Thực hiện các công việc khác khi Chủ tọa Đại hội yêu cầu.

Điều 7. Trách nhiệm của Ban kiểm phiếu.

Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ sau:

- 1. Kiểm đếm kết quả biểu quyết gồm "Thẻ biểu quyết" và "Phiếu biểu quyết", đồng thời, lập biên bản và báo cáo Đại hội về kết quả kiểm Phiếu biểu quyết đối với từng nội dung theo sự điều hành của Chủ tọa.
- 2. Lập biên bản kiểm phiếu và báo cáo Đại hội về kết quả kiểm phiếu.
- 3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và đại hội về tính chính xác đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình.

Chương IV

CHỦ TỌA VÀ THƯ KÝ ĐẠI HỘI

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa

Chủ tịch HĐQT Công ty là Chủ tọa Đại hội. Chủ tọa đại hội có các quyền và nghĩa vụ theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền và nghĩa vụ cơ bản sau:

1. Quyền:

- a) Điều hành họp đại hội.
- b) Quyết định trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
- c) Không trả lời những ý kiến nằm ngoài chương trình đại hội, nhưng chủ tọa sẽ ghi nhận những ý kiến đó.

d) Cắt ý kiến phát biểu của Người dự họp khi Người dự họp phát biểu ý kiến nằm ngoài nội dung chương trình Đại hội, ý kiến trùng lặp hoặc ý kiến không rõ ràng.

e) Trục xuất những người có biểu hiện gây rối, không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa hoặc ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội.

g) Chủ tọa đề cử Thư ký Đại hội.

2. Nghĩa vụ:

a) Điều hành họp đại hội đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Chương trình họp đại hội.

b) Trả lời hoặc ủy quyền cho người khác trả lời đầy đủ các ý kiến, kiến nghị của Người dự họp về những vấn đề phù hợp với Chương trình đại hội.

c) Ký ban hành Biên bản, Nghị quyết họp Đại hội.

Điều 9. Thư ký Đại hội

Thư ký Đại hội có các quyền và nghĩa vụ theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trong đó có nghĩa vụ cơ bản sau: Ghi chép đầy đủ, trung thực quá trình đại hội diễn ra; Trình bày dự thảo Biên bản, Nghị quyết đại hội; Cùng Chủ tọa liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung Biên bản, chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ Biên bản và nghị quyết đại hội theo Điều lệ Công ty.

Chương V

THỂ THỨC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 10. Điều kiện tiến hành Đại hội

1. Đại hội được tiến hành khi có số Người dự họp đại diện cho trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội.

2. Trường hợp Đại hội không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên, thì việc triệu tập và tiến hành Đại hội cổ đông các lần tiếp theo thực hiện theo Luật Doanh nghiệp, Khoản 2, Khoản 3 - Điều 19 - Điều lệ Công ty.

Điều 11. Thông qua nghị quyết của Đại hội

Nghị quyết của Đại hội được thông qua khi có từ trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của người dự họp trực tiếp tại Đại hội theo quy định tại Khoản 4- Điều 21- Điều lệ Công ty.

Điều 12. Phát biểu ý kiến tại Đại hội

1. Nguyên tắc: Trước khi phát biểu, Người dự họp phải đăng ký nội dung phát biểu. Mẫu đăng ký phát biểu nhận tại bàn Bàn kiểm tra tư cách cổ đông. Thư ký Đại hội có trách nhiệm nhận và chuyển đăng ký phát biểu của Người dự họp đến Chủ tọa.

2. Cách thức phát biểu: Người dự họp phát biểu ngắn gọn, đúng nội dung đã đăng ký và phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội. Chủ tọa sẽ sắp xếp cho Người dự họp phát biểu theo thứ tự đăng ký. Người dự họp không phát biểu lại những ý kiến đã được Người khác phát biểu hoặc nội dung đó đã được Chủ tọa trả lời.

Chương VI

BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI


Điều 13. Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Biên bản và Nghị quyết Đại hội được lập bằng tiếng Việt và phải có các nội dung theo quy định của pháp luật.

2. Biên bản và Nghị quyết Đại hội phải được đọc và xin ý kiến biểu quyết bằng hình thức giờ **“Thẻ biểu quyết”** trước khi bế mạc Đại hội

3. Biên bản được gửi cho cổ đông bằng hình thức đăng tải trên Website của Công ty: Website: vangdanheoal.com.vn (*Mục Quan hệ cổ đông, chọn Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026*). Trường hợp cổ đông, người đại diện có yêu cầu gửi bản cứng, Công ty sẽ gửi qua đường Bưu điện hoặc bản fax.

Trên đây là Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty CP Than Vàng Danh - Vinacomin.

Quy chế này có hiệu lực ngay khi các cổ đông đã biểu quyết thông qua. 

Nơi nhận:

- Cổ đông của Công ty;
- Người UQCBT;
- Phòng CV (CBTT)
- UBCKNN; Sở GD&ĐT;
- Lưu Thư ký HĐQT; Hồ sơ Đại hội.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Nguyễn Văn Dũng